

THIÊN PHÁP YẾU GIẢI QUYỂN HẠ

Nếu hành giả muốn cầu định hư không thì nên nghĩ như vậy: “Sắc là công cụ tạo ra đủ mọi thứ đau khổ; như đánh đập, cắt chặt, giết hại, đói lạnh, già, bệnh... đều do sắc.” Tư duy như thế thì liền xa lìa sắc, đắc hư không xứ.

Hỏi:

–Hành giả nay lấy sắc làm thân, thì làm sao lìa bỏ được?

Đáp:

–Các phiền não là nhân duyên của sắc, lại hay trói buộc sắc. Vì phiền não này diệt nên gọi là lìa sắc.

Lại nữa, tập thực hành pháp quán hư không phá sắc thì được lìa sắc.

Lại nữa, như Phật đã nói: Tỳ-kheo quán năm ấm trong đệ Tứ thiền như bệnh, như mụn ghẻ, như ung nhọt, như mũi nhọn, là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Quán như vậy thì lìa năm ấm trong đệ Tứ thiền. Vì các ấm nương vào sắc nên chỉ nói lìa sắc. Vì sao? Vì sắc rốt ráo diệt tận.

Lại nữa, hành giả quán sắc từng phần tách rời thì không có sắc. Như thân thì có phần đầu, chân, vai, tay.... phân ra từng phần riêng rẽ thì không còn thân nữa. Như đầu thì có mắt, tai, mũi, lưỡi, râu, tóc, xương, thịt... tách ra từng phần riêng rẽ thì không có đầu nữa. Như mắt thì gồm bốn đại, bốn trần, thân căn, nhãn căn, mười sự hòa hợp, trắng đen... thành cục thịt gọi là mắt, phân tách ra từng thứ thì không có mắt. Đất,... phân ra từng phần cũng vậy.

Hỏi:

–Nhãn căn do bốn đại tạo, sắc không thể định thì làm sao phân biệt?

Đáp:

–Bốn đại và bốn đại tạo vì là tịnh sắc hòa hợp nên gọi là mắt. Nếu bỏ sắc này thì không có mắt. Lại tịnh sắc này tuy không thể thấy, nhưng vì hữu đối nên có thể phân tách. Do có thể phân tách nên không có mắt.

Lại nữa, cái có thể thấy sắc nên gọi là mắt. Nếu trừ bỏ bốn đại và bốn đại tạo sắc thì không có mắt. Nếu không có mắt mà có thể thấy sắc thì tai cũng có thể là mắt. Nếu mắt là sắc pháp thì tất cả sắc pháp có chỗ để phân tách nên có thể phân biệt. Nếu có thể phân biệt thì là nhiều mắt. Nếu nói bốn đại sở tạo, các vi trần là mắt thì không phải một mắt. Nếu hoàn toàn chẳng có mắt thì một mắt cũng không có. Còn nếu nói vi trần là mắt thì cũng không đúng. Vì sao? Vì nếu vi trần có sắc thì cả mười phương không gọi là vi trần. Nếu chẳng phải sắc thì không gọi là mắt.

Lại nữa, thể của vi trần phân định có bốn phần: sắc, hương, vị, xúc. Mắt này chẳng phải bốn việc ấy. Vì sao? Vì mắt thuộc về nội nhập, còn bốn đại thuộc về ngoại nhập. Cho nên không được lấy các vi trần làm mắt. Như Phật nói các việc hòa hợp, thấy sắc tạm gọi là mắt, chứ không có chắc thật. Tai, mũi, lưỡi, da, thịt, xương,... cũng phá như vậy. Đó gọi là phá tướng trong thân. Sắc bên ngoài như cung điện, tài vật, vợ con... cũng đều phân biệt phá như vậy.

Như Phật bảo La-đà: “Kể từ ngày nay nên phá tan sắc, hủy hoại sắc, làm cho không còn sắc. Hay phân biệt như vậy thì gọi là lia sắc.”

Lại nữa, như Phật nói: Nếu Tỳ-kheo muốn lia sắc, vượt qua tất cả sắc tướng, diệt tất cả tướng đối, không nghĩ tất cả tướng khác thì vào cõi hư không vô lượng. Vượt qua tất cả sắc tướng là có thể thấy sắc, diệt tất cả tướng đối là sắc hữu đối mà không thể thấy, không nghĩ tất cả tướng khác là không thể thấy sắc không đối.

Lại nữa, vượt qua tất cả tướng sắc là xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía... các loại sắc tướng; diệt hữu đối là thanh, hương, vị, xúc,...; không nghĩ tất cả tướng khác là lớn, nhỏ, dài, ngắn, vuông, tròn, xa, gần... Lia tất cả sắc tướng như thế thì được vào cõi hư không.

Lại nữa, hành giả buộc tâm vào hư không trong thân, đó là miệng, mũi, yết hầu, mắt, tai, ngực, bụng... Đã biết sắc là các phiền muộn, là họa nên tâm thích hư không. Nếu tâm tại sắc thì thu nhiếp khiến về với hư không. Tâm trở nên nhu hòa thì làm cho hư không trong thân dần dần rộng lớn, tự thấy sắc thân như lỗ ngó sen, thực tập càng nhạy bén thì thấy thân toàn là hư không, không còn có sắc. Sắc ngoài cũng vậy, hư không trong ngoài đồng một hư không. Khi ấy tâm duyên với hư không vô lượng vô biên, lia cái tướng về sắc mà được an ổn vui thích. Như chim ở trong bình, bình vỡ được thoát ra, bay lượn trong hư không, không bị chướng ngại. Đó gọi là định vô sắc ban đầu.

Hành giả biết thọ, tưởng, hành, thức trong hư không như bệnh, như mụn gẻ, như ung nhọt, như mũi nhọn, là vô thường, khổ, không, vô ngã, lại cầu định vi diệu liền lia duyên không. Vì sao? Vì biết tâm sở này tướng hư không là hư đối, không thật, trước không nay có, có lại hoàn không. Đã biết họa ấy là hư không, từ thức mà có, nghĩa là thức là chân nên chỉ quán thức bỏ duyên không. Khi tập quán thức thì dần dần thấy tướng của thức sinh khởi tương tục như nước chảy, như đèn sáng. Thức quá khứ, hiện tại, vị lai tương tục vô biên vô lượng.

Hỏi:

– Vì sao Phật nói cảnh giới của thức vô biên vô lượng?

Đáp:

– Vì thức có thể duyên xa nên vô biên, duyên vô biên pháp nên vô lượng.

Lại nữa, trước duyên hư không vô biên nên phá hư không vô biên thì thức mới thuận với vô biên. Do tâm hành giả nhu hòa nên có thể làm cho thức rộng đến vô biên. Đó là cảnh giới của thức vô biên.

Hỏi:

– Cảnh giới của thức này đủ cả bốn ấm, vì sao chỉ nói đến thức?

Đáp:

– Tất cả pháp bên trong đều lấy thức làm chủ. Các pháp tâm sở đều tùy thuộc thức. Nếu nói đến thức tức là nói các việc khác. Lại trong Dục giới, sắc ấm làm chủ, trong Sắc giới thọ ấm làm chủ, Hư không xứ, Thức xứ thì thức ấm làm chủ, vô sở hữu xứ tướng ấm làm chủ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì hành ấm làm chủ.

Lại nữa, ba pháp: thân, tâm, tâm sở pháp thì ở Dục giới, Sắc giới vì lấy thân làm chủ nên tâm theo thân. Nếu không có thân thì chỉ dùng sức của tâm.

Tâm có hai phần: một phần duyên không, còn một phần tự duyên nên phải có hai xứ: không, thức. Vì ban đầu phá sắc nên lấy hư không gọi tên. Do phá hư không nên chỉ lấy thức làm tên.

Tâm sở pháp cũng có hai phần: một phần thuộc Tưởng, một phần thuộc Hành. Vì vậy cũng có hai xứ: Tưởng vô sở hữu và Hành phi tưởng phi phi tưởng.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Lại nữa, do duyên với thức nên lia được hư không. Vì thế, tuy có các ấm khác nhưng chỉ lấy thức làm tên.

Hành giả đã được thức xứ rồi, lại cầu định vi diệu, quán thức là huyễn, như trên đã nói.

Lại nữa, quán thức như huyễn, là hư dối, thuộc về các nhân duyên nên không tự tại; có duyên thì sinh, không duyên thì diệt. Thức không trụ tình, không trụ duyên, cũng không trụ khoảng giữa, chẳng có chỗ trụ, chẳng phải không có chỗ trụ. Tướng thức như vậy, nên Thế Tôn nói thức như huyễn hóa. Hành giả đã tư duy như thế thì lia được thức xứ.

Lại nữa, hành giả lại tư duy: “Như năm dục là hư dối thì sắc cũng như vậy. Như sắc hư dối thì hư không cũng như thế. Hư không hư dối thì tướng của thức cũng vậy đều là hư dối. Nhưng chúng sinh mê hoặc, đăm chấp gọi là các pháp, chỉ có rỗng không, không có gì là chỗ an ổn.” Nghĩ như thế rồi thì liền nhập vào Vô sở hữu xứ.

Hỏi:

–Hư không xứ với Vô sở hữu xứ có gì khác nhau?

Đáp:

–Trước thì tâm lấy tướng hư không làm duyên, ở đây tâm tướng Vô sở hữu làm duyên. Đó là sự khác nhau.

Hành giả đã vào Vô sở hữu xứ, nếu là bậc lợi căn thì biết trong ấy còn có thọ, tưởng, hành, thức nên nhằm chán họa ấy, như trước đã nói. Còn người độn căn thì không thể biết.

Lại nữa, nhân lia Vô sở hữu xứ có ba kiến giải: một là hữu kiến, hai là vô kiến, ba là phi hữu kiến phi vô kiến.

Hữu kiến: từ Dục giới cho đến Thức xứ.

Vô kiến: tức là Vô sở hữu xứ.

Phi hữu phi vô kiến: tướng phi phi tướng xứ.

Vô kiến này cần phải lia bỏ. Vì sao? Vì Phi tướng phi phi tướng tuy vi tế mà còn phải bỏ, huống gì Vô sở hữu xứ.

Nghĩ như vậy rồi thì lia Vô sở hữu xứ.

Hỏi:

–Như trong Phật pháp cũng có rỗng không, không sở hữu. Nếu đó là thật thì vì sao nói là tà kiến cần phải lia bỏ?

Đáp:

–Trong Phật pháp vì dùng để phá chấp trước nên nói không phải là thật. Còn cho rằng Vô sở hữu xứ là thật thì rơi vào tà kiến, trong đó chúng sinh sau khi thọ quả báo tùy theo nhân duyên của nghiệp lại thọ quả báo khác. Vì thế nên phải trừ bỏ. Tên tuy giống nhưng thật ra thì khác hẳn.

Lại nữa, hành giả nghĩ như vậy: “Tất cả cảnh giới tướng đều thô, đáng lo lắng, như bệnh, như mụn, như ung nhọt, như trứng tên. Còn cảnh giới không tướng là chỗ ngu si. Nay chỗ tĩnh lặng vi diệu đệ nhất là Phi tướng phi phi tướng xứ.” Quán như vậy rồi thì lia cảnh giới tướng về Vô sở hữu xứ mà nhập vào Phi tướng phi phi tướng xứ.

Hỏi:

–Trong ấy là Hữu tướng hay Vô tướng?

Đáp:

–Trong ấy là Hữu tướng.

Hỏi:

–Nếu là Hữu tướng thì bảy địa dưới sao không gọi là tướng định?

Đáp:

–Vì trong các địa này phần tướng vi tế, không sắc bén; dụng của tướng không nổi bật, nên không gọi là tướng. Vì tâm hành giả ở Phi hữu tướng phi vô tướng nên Phật nương theo gốc của định mà gọi tên, gọi là Phi hữu tướng phi vô tướng xứ.

Người độn căn không biết trong đó có bốn ấm, bèn cho là cảnh giới Niết-bàn an ổn mà sinh tăng thượng mạn, sống được tám vạn kiếp rồi trở lại rơi vào các cảnh giới khác.

Bốn ấm trong ấy tuy vi tế, sâu xa, vi diệu, như bậc lợi căn thì có thể hiểu rõ, hiểu rồi nhàm chán mà nghĩ như vậy: “Đây cũng là pháp tạo tác hòa hợp, pháp do nhân duyên sinh, là hư dối không thật, như bệnh, như mù, như ung nhọt, như trúng tên, là vô thường, khổ, không, vô ngã, cũng là làm nhân duyên cho đời sau, cần phải lìa bỏ. Do cái họa ấy nên phải học bốn Đế.”

Hỏi:

–Khi bỏ các địa khác, vì sao không nói học bốn Đế?

Đáp:

–Vì trước đã nói như bệnh, như mù, như ung nhọt, như trúng tên, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đó là lược nói bốn Đế, chỉ chưa nói rộng mà thôi.

Lại các địa kia không ngăn ngại, không khó khăn nên phàm phu hữu lậu cũng có thể vượt qua. Còn đây là tột đỉnh thế gian, chỉ có Thánh nhân học đạo Vô lậu mới có thể vượt qua. Ví như chim bị cột dây ở chân, ban đầu tuy được bay đi nhưng hết dây rồi cũng bị kéo trở lại. Người phàm phu cũng vậy, tuy vượt qua các địa nhưng Ma vương không vì thế mà sợ hãi. Nếu vượt qua địa vị Hữu đẳng thì Ma vương rất sợ hãi. Như dây đứt, chim bay mất. Vì thế, khi lìa các địa ấy, không nói bốn Đế. Địa vị Hữu đẳng là cửa trọng yếu của ba cõi, muốn vượt qua cửa này thì phải học bốn Đế.

Hỏi:

–Thế nào là bốn Đế?

Đáp:

–Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.

Khổ có hai: một là khổ thân, hai là khổ tâm.

Tập cũng có hai: một là sử, hai là phiền não.

Diệt cũng có hai: một là Niết-bàn Hữu dư y, hai là Niết-bàn Vô dư y.

Đạo cũng có hai: một là Định, hai là Tuệ.

Lại nữa, Khổ đế có hai thứ: một là Khổ đế, hai là Khổ thánh đế. Khổ đế là tướng của phiền não, nghĩa là năm thọ ấm gọi là Khổ đế. Khổ thánh đế là nhờ hiểu biết nên tu đạo, gọi là Khổ thánh đế.

Tập đế có hai: một là Tập đế, hai là Tập thánh đế. Tập đế là tướng phát sinh, nghĩa là ái v.v., các phiền não gọi là Tập đế. Tập thánh đế là vì đoạn trừ (phiền não) nên tu đạo, đó là Tập thánh đế.

Diệt đế có hai: một là Diệt đế, hai là Diệt thánh đế. Diệt đế là tướng vắng lặng, nghĩa là bốn quả Sa-môn, gọi là Diệt đế. Diệt thánh đế là vì để chứng tịch diệt nên hành đạo, đó là Diệt thánh đế.

Đạo đế có hai: một là Đạo đế, hai là Đạo thánh đế. Đạo đế là tướng xuất phát hướng đến, nghĩa là tám Thánh đạo, gọi là Đạo đế. Lại nữa, đế có hai thứ: tổng tướng

và biệt tướng. Tổng tướng khổ là năm thọ ấm. Biệt tướng khổ là phân biệt rộng về sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm.

Tổng tướng tập có khả năng sinh ái cho thân đời sau.

Biệt tướng tập: phân biệt rộng về ái..., các phiền não và nhân duyên năm thọ ấm của nghiệp hữu lậu.

Tổng tướng diệt: có khả năng sinh sự đoạn tận ái của thân sau.

Biệt tướng diệt: phân biệt rộng rãi về sự đoạn tận tám mươi chín thứ kết sử.

Tổng tướng đạo: tám Thánh đạo, biệt tướng đạo, phân biệt rộng từ khổ pháp nhãn cho đến vô học đạo.

Nếu không thông hiểu bốn đế thì xoay vần trong năm đường, qua lại sinh tử không lúc nào dừng nghỉ. Vì nhân duyên này nên hành giả phải suy niệm về sinh, già, bệnh, chết... tất cả khổ não đều do có thân. Ví như tất cả cỏ cây đều từ đất phát sinh, như trong kinh nói: “Chúng sinh trong mười phương sở dĩ có thân đều bị khổ là do có sinh. Ví như thức ăn độc dù ngon hay dở đều làm chết người. Nếu không có thân tâm thì khổ chết không nơi nương tựa. Như gió dữ bẻ gãy cây lớn, nếu không có cây thì không bị hủy hoại.” Như vậy, lược nói căn bản thọ khổ của thân tâm. Như hư không là gốc của gió, cây là gốc của lửa, đất là gốc của nước, thân là gốc của khổ.

Lại nữa, như đất thường là tướng cứng chắc, nước thường có tướng ẩm ướt, lửa thường là tướng nóng, gió thường là tướng động, thân tâm thường là tướng khổ. Vì sao? Vì có thân nên các khổ như: già, chết, đói, khát, nóng, lạnh, gió, mưa... thường bám theo. Vì có tâm nên các khổ như ưu sầu, sợ hãi, sân hận, ganh ghét... thường bám theo. Nếu biết khổ của thân hiện tại thì khổ quá khứ cũng như vậy. Như khổ của thân hiện tại, quá khứ thì vị lai cũng vậy. Ví như hiện nay thấy thóc giống sinh lúa thì xét biết quá khứ, vị lai cũng đều như vậy. Lại như hiện tại thấy lửa là tướng nóng thì xét biết lửa quá khứ, vị lai cũng lại nóng như vậy. Nếu không có thân tâm thì trước không khổ, nay cũng không khổ và sau cũng không khổ. Phải biết, đau khổ trong ba đời đều từ thân tâm mà có, cho nên phải quán khổ đế. Như vậy, tâm sinh nhàm chán.

Nhân duyên của khổ ấy chỉ từ các phiền não như ái,... phát sinh, chẳng phải trời, chẳng phải thời, chẳng phải tự nhiên, cũng chẳng phải không nhân duyên. Nếu lìa phiền não thì không có sinh, nên biết thế gian đều từ phiền não như ái,... sinh ra. Như người làm một việc gì thì trước tiên đều từ mong muốn. Vì vậy các phiền não là nhân duyên của khổ. Lại nữa, do nước ái nên mới thọ thân, nếu không có nước ái thì không có thọ thân; như đất khô không thể trét vách, lấy nước hòa vào thì có thể trét.

Lại nữa, vì các phiền não nên sự thọ thân mỗi mỗi không đồng. Như người nhiều dục thì thọ thân nhiều tướng dục. Người nhiều sân hận thì thọ thân có nhiều tướng sân. Người nhiều ngu si thì thọ thân có nhiều tướng si. Người ít phiền não thì thọ thân ít phiền não. Vì thấy quả báo hiện nay khác nhau nên biết nhân duyên xưa khác biệt, đời sau theo phiền não thọ thân sai khác cũng như thế, tùy theo nghiệp mà thọ thân. Nếu không sân giận thì không thọ thân rắn độc, tất cả thân khác cũng vậy.

Vì vậy nên biết các phiền não như ái,... là nhân duyên của tất cả khổ. Vì nhân duyên của khổ diệt nên khổ liền dứt, đó là Niết-bàn. Niết-bàn gọi là Ly dục, đoạn trừ các phiền não, thường hằng không biến đổi, trong đó không có sinh, không có già, không bệnh, không chết, không có khổ thương yêu mà chia lìa, oán ghét mà gặp nhau, an vui mãi mãi.

Hành giả khi đắc Niết-bàn diệt độ thì hoàn toàn không đi về đâu, gọi là Tịch diệt.

Như đèn cháy dầu hết thì tắt, không đến các phương, gọi đó là Diệt đế. Đắc đạo Niết-bàn phương tiện thì Định phân làm ba loại, Tuệ phân làm hai loại, Giới phân làm ba loại.

Trụ trong Giới này tu hành định tuệ; nghĩa là đối với bốn Đế, Tuệ hay quyết định, đó là Chánh kiến. Nướng vào chánh kiến mà sự hiểu biết pháp phát sinh, đó là Chánh tư duy. Gọi là Tuệ phân làm hai loại.

Chánh định, Chánh niệm, Chánh tinh tấn, gọi là Định, phân làm ba loại.

Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, gọi là Giới, phân làm ba loại.

Trụ vào giới tịnh nên các mầm phiền não không phát triển thì thế lực nó suy kém dần. Như gieo giống không đúng thời tiết thì mầm không phát triển, sức các phiền não đến thì phần định có thể ngăn chặn, như núi lớn ngăn nước, nước không thể phá nổi. Ví như chú thuật có thể cấm chế rắn độc, tuy nó có độc nhưng không thể hại người, phần định cũng như vậy. Tuệ có khả năng nhổ tận cội gốc phiền não, như nước lớn chảy mạnh, cây trên ven bờ đều bị nhổ trôi.

Thực hành ba phần này là đường chân chánh ngay thẳng của tám Chánh đạo, có khả năng diệt trừ nhân của khổ, an ổn rốt ráo, thường lạc vô vi.

Nếu phương tiện ban đầu mà tập pháp môn này thì có mười việc:

1. Tâm chuyên chánh: Tâm chuyên chánh thì mọi việc bên ngoài dù đến phá hoại không lay chuyển. Như gió bốn phía nổi dậy mà núi không lay động.

2. Chất trực: Người chất trực nghe thầy nói pháp không nhìn chỗ ưu khuyết, tâm không tăng giảm, nướng vào lời dạy không nghi ngờ. Ví như vào rừng rậm chặt củi, cây thẳng thì dễ kéo ra, cây cong khó ra. Như vậy rừng rậm ba cõi, người chất trực dễ thoát ra, người quanh co khó thoát. Ở trong Phật pháp chỉ có người chất trực là được dùng, người quanh co thì loại bỏ.

3. Hổ thẹn: Đó là phục sức đẹp đẽ, trang nghiêm hơn hết. Hổ thẹn là móc sắt chế phục tâm ác. Có hổ có thẹn mới thật là người. Nếu không hổ không thẹn thì không khác gì súc sinh.

4. Không phóng dật: Đó là gốc của tất cả pháp thiện. Thế gian phóng túng, mất các việc lợi. Hành giả phóng dật, mất lợi Niết-bàn. Nên biết, phóng dật như oán, như giặc, tâm thường xa lìa. Nên biết, không phóng dật như vua, cha, thầy, phải tôn trọng, thừa sự không rời.

5. Xa lìa: Nhờ sự xa lìa này mà thành tựu không phóng dật. Nếu gần năm dục, các tình phát khởi thì trước hết thân phải lìa thôn xóm, kể đến tâm xa lìa không nghĩ việc đời.

6. Ít muốn: Đồ vật giúp cho sự sống, tâm không mong cầu nhiều. Cầu mong nhiều thì rơi vào các lo âu.

7. Biết đủ: Có người tuy ít muốn nhưng ưa đắm vật đẹp nên tâm đạo bị lụn bại. Vì thế, người trí chỉ mong vừa đủ mà thôi.

8. Tâm không đắm chấp: Nếu có đệ tử, đàn-việt, trí thức, thân thuộc thăm hỏi hoặc đưa rước thì có nhiều việc phiền toái... Các việc như vậy hủy hoại đạo nghiệp, cho nên không nên tham đắm.

9. Không thích cái vui ở đời: Như ca múa, âm nhạc, giờ lành, ngày tốt, chọn lựa tốt xấu,... tất cả việc đời đều không ưa thích.

10. Nhẫn nhục: Khi hành giả cầu đạo phải nhẫn mười việc:

-Sự xâm hại của muỗi mòng.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

- Rắn rất có nọc độc.
- Loài thú độc.
- Mắng chửi, phỉ báng.
- Đánh, ném, gia hại.
- Đau bệnh.
- Đói.
- Khát.
- Lạnh.
- Nóng.

Những việc khổ não như thế hành giả nhẫn chịu, chớ để bị lung lạc, luôn thắng vượt những việc này.

Lại nữa, như người hiểu biết tướng bệnh, biết nguyên nhân của bệnh, biết thuốc trị lành bệnh, được khám bệnh nhân tùy theo nhu cầu mà bổ thuốc, không lâu sẽ lành; hành giả cũng vậy, biết thật tướng của khổ, biết nguyên nhân của khổ, biết đạo hết khổ, biết được thầy lành để học, như vậy không lâu được an ổn, tĩnh lặng.

Hỏi:

–Đã đắc Phi tướng phi phi tướng xứ, vào sâu trong thiền định, chỉ còn kết sử yếu ớt bậc thượng, tâm dễ nhu hòa, không cần các nhân duyên, các ví dụ để quán bốn Đế thì khác gì chẳng tăng thêm?

Đáp:

–Chẳng phải nói riêng về một vị Hữu đẳng mà bao gồm tất cả các vị Hữu đẳng, đều quán bốn ấm thuộc sắc giới là vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên găm vào tim. Vô thường, khổ, không, vô ngã đều là pháp nhân duyên, hư dối tạo tác. Quán Niết-bàn thượng diệu ổn định an lạc, chẳng phải là pháp tạo tác, chân thật không dối. Diệt ba độc ba suy thì khổ của thân tâm diệt. Thường quở trách bốn ấm và nhân duyên của chúng thì gọi là Khổ đế, Tập đế; khen ngợi Niết-bàn và đạo Niết-bàn gọi là Diệt đế, Đạo đế.

Hành giả đắc bốn Thiền, bốn Định vô sắc, tâm đã nhu hòa, nếu cần năm thân thông mà nương vào Tứ thiền thì dễ đắc, nếu nương vào Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, tuy có thể được nhưng cầu rất khó, mà có được cũng không kiên cố. Vì sao? Vì Sơ thiền thì giác quán làm loạn định, còn Nhị thiền thì quá mừng, Tam thiền thì quá vui, cùng định trái nhau. Bốn Như ý đều là tướng định, chỉ có Tứ thiền không khổ, không vui, không lo, không mừng, hơi thở không ra vào, là nơi các Thánh trụ, an ổn diệu lạc.

Cho nên hành giả phải nương vào Tứ thiền để tu bốn Như ý. Đó là: dục định hành pháp thành tựu như ý, tinh tấn định, tâm định, tư duy định hành pháp thành tựu như ý. Nương vào đây mà an trụ thì không việc gì là không thành tựu.

Hỏi:

–Thế nào là dục định hành pháp thành tựu như ý?

Đáp:

–Dục là tên gọi của sự mong muốn. Định là tên gọi của nhất tâm không có tăng giảm. Hành pháp là tên gọi của tín, niệm, xả tuệ, hỷ lạc... hỗ trợ thành tựu dục định. Nhờ dục là chủ mà được định, nên gọi là Dục định. Tinh tấn định, Tâm định, Tư duy định cũng như vậy. Hành giả quán dục dừng cho tăng giảm, chớ nhiếp vào trong lăm mà bề ngoài nhiều tán loạn, phải dùi dằng bình đẳng điều hòa mới có thể sử dụng. Giống như điều chỉnh dây đàn không căng lăm, không dòn lăm thì tùy ý đàn theo khúc ca; Tinh

tấn, Tâm, Tư duy cũng vậy. Như hành giả học bay, muốn bay gọi là dục, nhiếp thu các tâm tán loạn, tập hợp các pháp trợ hành, gọi là tâm tinh tấn, có thể nhắc thân lên, lia thân tâm thô nặng như ngử, trạo cử thì tâm liền nhẹ nhàng. Nhờ tâm nhẹ nhàng nên có thể nhắc thân lên, đó gọi là tâm; trừ liệu dục, tinh tấn tâm nhiều ít có thể nhắc thân lên, nhưng chưa phá hết sắc cuối cùng trong và ngoài, gọi là tư duy. Nướng vào bốn phần như ý có thể đạt đầy đủ tất cả công đức, hưởng gì năm thần thông.

Hỏi:

–Năm thần thông, pháp nào sinh trước?

Đáp:

–Tùy theo sở thích mà sinh trước.

Hỏi:

–Nếu vậy thì tại sao biến hóa thần thông thần thông lại nêu trước?

Đáp:

–Sử dụng năm thần thông phần nhiều là vì chúng sinh. Vì sao? Vì như bậc tuệ giải thoát A-la-hán, sau khi đắc A-la-hán nghĩ như vậy: “Có nhiều chúng sinh độn căn, không tin việc đạo, khinh mạn pháp. Ta được thần thông đủ sạch lậu hoặc là việc khó, thì tại sao không phát khởi thần thông giáo hóa mà để họ rơi vào tội lỗi? Vả lại, Đức Phật đại Bi làm lợi ích cho chúng sinh, ta là đệ tử, phải dùng thần thông giúp ích cho chúng sinh.” Như vậy, các chúng sinh phần nhiều nhờ sự hóa hiện đó mà được lợi ích, sự thần biến cảm động sang hèn, đại chúng đều phục tùng, các thần thông khác không được như vậy. Vì thế cho nên biến hóa thần thông được nêu trước.

Hỏi:

–Thân nơi cõi trời hỏa đại nhiều nên có ánh sáng, cũng có thể đi mau trên hư không. Quỷ thần phong đại nhiều nên thân nhẹ nhàng, không bị chướng ngại. Thân rồng thủy đại nhiều nên tâm niệm sinh nước, cũng có thể biến hóa chuyển động. Thân người địa đại nhiều nên tướng động và nhẹ ít thì làm sao có thể bay?

Đáp:

–Do địa đại của thân người có tướng động và nhẹ ít nên mới cầu học thần thông. Như trời, rồng dùng thần thông làm gì? Như đất tuy nặng mà nhờ sức của nước nên đất chuyển động. Như thế thì nhờ sức của tâm nên có thể nhắc thân lên. Ví như khỉ từ trên cao rơi xuống mà thân không bị tổn thương, còn người rớt thì bị thương. Khỉ nhờ sức tâm nhẹ nhàng, nhanh nhẹn, mạnh mẽ nên không bị thương tổn. Nên biết, thần thông của thân cũng như thế, vì sức tâm mạnh mẽ, lại như người nổi, tuy ở chỗ nước sâu mà không bị chìm và nhờ sức phương tiện của tâm nên có thể giữ thân mình. Vì thế nên biết, thân người tuy nặng nhưng nhờ sức tâm mạnh mẽ mà thân bay trên hư không.

Hỏi:

–Như vậy thì có thể tin, nhưng học như thế nào?

Đáp:

–Nếu hành giả trụ ở đệ Tứ thiên, nướng vào bốn phần như ý, nhất tâm thâm tóm niệm, quán thân đâu đâu cũng là hư không, như lỗ trống của củ sen, giữ tướng thân nhẹ nhàng, tập mãi không dừng thì thân cùng hợp với tâm, như sắt hợp với lửa. Diệt tướng thân nặng nề, chỉ còn thân nhẹ nhàng, hợp với Dục, Tinh tấn, Tư duy và hợp với pháp trợ hành. Nhờ cửa sức hạnh thiện như Dục... nên thân liền thuận theo, như thép ở trong lửa, mềm dẻo, dễ sử dụng. Vả lại, bốn đại tạo sắc thuộc sắc giới hòa hợp ở trong thân này, làm cho thân nhẹ, tùy ý có thể bay đi. Như người uống thuốc, tâm trở nên sáng suốt

thì thân dễ chịu; ví như nhờ bốn đại tạo sắc của sắc giới trong sạch, ở trong thân này nên mắt sáng trong. Như người học khiêu vũ, tập mãi dần dần nhuần nhuyễn hơn mọi người. Như chim con học bay, dần dần bay xa hơn; thần thông của thân cũng vậy, khi mới được thì bay một trượng hoặc hai trượng, dần dần có thể bay xa.

Thần thông biến hóa này có bốn loại:

1. Thân bay trên hư không như chim bay.
2. Xa làm cho gần.
3. Biến mất nơi này xuất hiện nơi kia.
4. Mau lẹ như ý nghĩ.

Trong khoảnh khắc khảy móng tay có sáu mươi ý niệm, trong khoảng một niệm có thể vượt qua vô lượng a-tăng-kỳ hằng hà sa cõi nước, tùy theo niệm liền đến. Dùng thần thông này thân được tự tại, một thân phân làm nhiều thân, nhiều thân hợp thành một thân, lớn hóa thành nhỏ, nhỏ hóa ra lớn, nặng bằng Tu-di, nhẹ như lông hồng... Các việc như vậy làm theo ý muốn.

Lại nữa, Bồ-tát đắc thần thông về thân này, trong khoảng một niệm vượt qua hằng hà sa cõi nước, tuy chúng sinh thấy Bồ-tát đến với họ nhưng Bồ-tát vẫn bất động nơi xứ sở của mình, thuyết pháp giáo hóa nơi ấy mà cũng không bỏ nơi này.

Hoặc có trời, người điên đảo chấp thường, có thể dùng thần thông độ họ bằng cách hóa hiện thiêu đốt tam thiên đại thiên thế giới. Chúng sinh thấy tam thiên đại thiên thế giới bị đốt cháy tan rã mà cõi nước không bị tổn hại. Nếu có chúng sinh sinh tâm kiêu mạn thì hiện ra tay cầm chày Kim cang, từ trong chày phát ra lửa, người thấy sợ hãi, quy phục, lễ kính. Có người thích thân Chuyển luân thánh vương, liền hiện thân Chuyển luân thánh vương mà thuyết pháp cho họ, hoặc hiện thân Thích Đề-hoàn Nhân, hoặc hiện Ma vương, hoặc hiện Thanh văn, Bích-chi-phật, hoặc hiện thân Phật... tùy theo thân mà họ ưa thích, hiện ra thuyết pháp cho họ.

Hoặc Bồ-tát ngồi kiết già trên hư không, bốn phía thân phóng ra các thứ ánh sáng rồi thuyết pháp cho họ. Hoặc có khi chúng sinh thích nhiều màu sắc đẹp để liền hiện tam thiên đại thiên thế giới bằng bảy báu, trang nghiêm bằng cờ phướn, lọng hoa, trăm thứ kỹ nhạc, ở trong đó thuyết pháp. Hoặc làm cho tam thiên đại thiên thế giới thành một biển nước có hoa sen màu xanh, màu hồng che kín mặt nước, ở trên ấy thuyết pháp.

Hoặc ngồi trên núi Tu-di dùng tiếng Phạm âm thuyết pháp, các cõi nước đều nghe. Hoặc có lúc chúng sinh không thấy hình tướng mà chỉ nghe tiếng thuyết pháp; hoặc hiện thân Càn-thát-bà dùng âm thanh kỹ nhạc làm cho tâm họ vui, sau đó mới thuyết pháp. Hoặc hiện làm Long vương điện chớp, sấm sét dùng để thuyết pháp. Dùng các thứ nhân duyên phương tiện hiện thần biến như vậy để khai mở, dẫn dắt chúng sinh.

Hỏi:

–Thần thông ấy biến hóa các vật thì tại sao không phải là hư vọng?

Đáp:

–Hành giả trước đã biết các pháp là hư dối, như huyễn, như hóa. Ví như nắm đất mềm tùy theo ý muốn, như người phước đức còn có thể làm cho mùa hạ có tuyết, mùa đông hoa sinh, dòng sông ngừng chảy... Lại như Tiên nhân sân giận, làm cho cọp, sói, sư tử biến thành đá, hướng chi định lực thần thông mà không biến hóa ra vật.

Lại nữa, trong tất cả vật đều có phần của khí, giữ tướng phần này, dùng thần lực khuếch đại nó thì các phần khác ẩn mất. Như kinh nói: “Các vị Tỳ-kheo có thần lực, tâm được tự tại, thấy có cây lớn, muốn làm thành đất thì cây liền thành đất. Vì sao? Vì

cây có thành phần của đất. Hoặc nước, lửa, gió cũng như vậy. Nếu là vàng, bạc, các thứ vật báu, tùy ý đều làm được. Vì sao? Vì cây có phần tịnh.”

Hỏi:

–Vật biến hóa như vậy không có gốc ngọn, thì việc đó thế nào?

Đáp:

–Đã nói trong hư không có vi trần do bốn đại tạo, nhờ tâm lực làm cho các vi trần hợp lại, hoặc hóa ra người. Ví như người chết, hoặc sinh cõi trời, hoặc sinh vào địa ngục là do nhân duyên tội phước, hòa hợp vi trần hóa làm thân cũng vậy. Những vật đó là tướng biến hóa thần thông.

Hành giả nào muốn cầu Thiên nhĩ thì cũng lấy đệ Tứ thiên làm gốc, tu tập bốn phần như ý như trên đã nói; điều hòa làm tâm nhu hòa, thấu tóm niệm vào âm thanh của đại chúng, giữ các thứ tướng âm thanh, âm thanh đã nghe phải thường tưởng niệm. Nếu tâm duyên việc khác thì thu nhiếp trở về, thường phải nhất tâm tu niệm thì trong tai liền được sắc thanh tịnh do bốn đại sắc giới tạo. Đó gọi là tu tập Thiên nhĩ. Dùng Thiên nhĩ này nghe âm thanh của vô lượng cõi nước ở mười phương, đó là: tiếng Trời, tiếng Người, tiếng Rồng, tiếng A-tu-la, tiếng Càn-thát-bà, tiếng Chiên-đà-la, tiếng Ma-hầu-lặc và tiếng của ngạ quỷ, súc sinh... Các âm thanh đau khổ, lớn, nhỏ, thô, tế... ở địa ngục thảy đều nghe rõ. Tâm định của Bồ-tát dần dần sâu hơn nên mới nghe âm thanh của chư Phật nơi mười phương, nghe pháp từ Phật nói mà không nắm giữ tướng, do pháp là chân thật, pháp là tối thượng, nên không nương vào lời nói mà nương vào nghĩa sâu xa.

Thế nào là nghĩa sâu xa?

Đó là biết các pháp là không, vô tướng, vô tác, nên không sinh tà kiến. Đối với nghĩa thì cũng không thủ đắc nghĩa, trong cái không thể thủ đắc, cũng không có tướng thủ đắc. Đó là y vào nghĩa sâu xa mà không dựa vào lời nói.

Lại nữa, hành giả căn cứ vào kinh liễu nghĩa, chứ không căn cứ vào kinh chẳng liễu nghĩa. Người thấu tỏ diệu nghĩa của kinh, nếu có thể y vào nghĩa thì tất cả các kinh đều liễu nghĩa, nghĩa rốt ráo là không, vì không thể nói về tướng. Do đó các kinh đều là thấu tỏ về ý nghĩa. Ai không y vào nghĩa thì người đó đối với các kinh đều không liễu nghĩa. Vì sao? Vì không có trí sâu xa nên chạy theo âm thanh, mà thật tướng của âm thanh này cũng nhập vào nghĩa sâu xa, đều không thể nói. Đó là phân biệt kinh liễu nghĩa.

Lại nữa, hành giả y vào trí mà không y vào thức. Vì sao? Vì hành giả biết tướng của thức này từ nhân duyên hòa hợp sinh ra, nên không có tự tánh, không sắc, không đối, không thể thấy, không hay, không biết, dư hối như huyễn. Biết tướng của thức như thế thì thức tức là trí. Vì thế y vào trí mà không y vào thức. Hành giả tuy cũng sinh hiểu biết, hoặc thuộc thức, hoặc thuộc trí, nhưng không sinh đấm chấp, biết tướng như của thức thì thức tức là tướng của trí. Do đó, tướng của trí này là vì chúng sinh mà nói.

Lại nữa, hành giả y vào pháp mà không y vào người. Vì sao? Vì trong pháp Phật quả thật có người không thanh tịnh, không được giải thoát. Nhưng tất cả pháp không có ngã, không có nhân, chỉ tùy thuộc thế tục mà nói có nhân có ngã. Vì thế, hành giả y vào pháp mà không y vào người. Pháp này nghĩa là tánh của các pháp. Tánh của pháp là tánh vô sinh. Tánh vô sinh ấy là cái không rốt ráo. Cái không rốt ráo ấy là cái không thể nêu bày. Vì sao? Vì dùng lời nói pháp, trong pháp không có lời, trong lời không có pháp. Lời thì không có tướng lời, tất cả lời nói chẳng phải là tướng của lời

nói. Vì thế, trong kinh nói: “Không chỉ bày, không nói năng là pháp Phật.”

Hành giả dùng Thiên nhĩ nghe các pháp Phật thì đối với người hoặc pháp không sinh chấp trước cái thấy. Nếu phân biệt hai tướng thì chẳng phải là pháp Phật. Nếu không thấy hai tướng thì là pháp Phật. Hành giả nhờ nương vào sức của Thiên nhĩ nên nghe được pháp sâu xa, rồi giáo hóa chúng sinh. Đó là thần thông Thiên nhĩ.

Nếu hành giả muốn được Tha tâm trí thì trước nên quán tâm mình, giữ tướng sinh, tướng trụ, tướng diệt của tâm, cũng biết tướng dơ, tướng sạch, tướng định, tướng loạn... của tâm. Lại quán sự dơ sạch, gần xa, nhiều ít... nơi đối tượng được duyên của tâm tự nắm bắt tướng trong và ngoài tâm rồi, sau đó quán sắc chúng sinh, giữ tướng tâm dục, tướng tâm sân, tướng tâm kiêu mạn, tướng tâm keo kiệt, tướng tâm ganh ghét, tướng tâm buồn rầu, tướng tâm sợ hãi, âm thanh lời nói các thứ tạo ra tướng tâm..., và nghĩ như vậy: “Phật như tâm ta lúc sinh, lúc trụ, lúc diệt, người kia cũng như vậy.”

Mình biết tâm sở duyên của mình thì người khác cũng như vậy. Tâm ta có sắc tướng, lời nói, tướng tạo tác như vậy, thường tu học tướng tâm. Tu tập như vậy rồi thì đắc Tha tâm thông, khi ấy chỉ duyên vào tâm và tâm sở pháp của người kia thì như người mắt sáng nhìn thấy cá trong nước trong, lớn nhỏ, đẹp xấu đều thấy cả. Tuy bị nước che lấp nhưng vì nước trong nên nhìn không bị chướng ngại. Hành giả như thế, nhờ sức biết của Tha tâm thông nên tâm chúng sinh tuy bị thân che nhưng có thể thấy được.

Đã được tâm thông thì lúc ở trong đại chúng nói pháp, trước phải biết tâm họ, biết chúng sinh ấy dùng thân tâm hành pháp gì, nhân duyên gì, có tướng gì, ưa việc gì? Vì biết là nhờ tự tâm thanh tịnh nên biết tâm chúng sinh cũng có thể thanh tịnh. Như trong tấm gương sáng, tùy theo hình sắc mà hiện ra có dài ngắn, vuông tròn, thô tế... hiện ra đúng như tướng đó, không tăng không giảm. Vì sao? Vì gương trong sáng. Gương tuy không phân biệt mà hiển bày tướng ấy.

Hành giả cũng như vậy, nhờ tâm mình thanh tịnh, các pháp không có tướng nhất định, vì thường thanh tịnh nên biết hết tâm và tâm sở pháp của chúng sinh. Nếu ở trong chúng có người nhiều dâm dục, liền biết tâm họ mà thuyết pháp để họ lìa dâm dục; sân hận cũng như vậy. Vì sao? Vì thật tướng của tâm không ô nhiễm, không sân hận, không si mê.

Hoặc trong chúng có người cầu Thanh văn thừa thì cũng biết tâm ấy mà thuyết pháp cho họ, tuy thuyết pháp nhưng biết tánh pháp không có cái nhỏ.

Người cầu Bích-chi-phật thì cũng biết tâm họ mà thuyết pháp, tuy thuyết pháp nhưng biết tánh pháp cũng không có cái bậc trung.

Người nào cầu Đại thừa thì cũng biết tâm họ mà thuyết pháp, tuy thuyết pháp nhưng biết tánh pháp không có cái lớn.

Cứ như vậy hành giả tùy theo tâm chúng sinh mà thuyết pháp cho họ, cũng không phân biệt tướng tâm. Tuy thuyết pháp phân biệt ba thừa mà không hủy hoại pháp tánh. Vì không hủy hoại pháp tánh nên biết hết mọi nẻo hành hóa nơi tâm của tất cả chúng sinh. Tuy dùng tâm mình mà biết tâm người, nhưng đối với tâm này tâm kia không thuận không nghịch. Cũng biết tâm tâm nối nhau của tất cả chúng sinh như nước chảy. Như biết tâm tánh thì pháp tánh cũng như vậy, dùng Tha tâm trí biết tâm chúng sinh mà thuyết pháp cho họ thì không có hại vậy. Đó gọi là biết thần thông Tha tâm trí.

Hành giả muốn biết túc mạng, trước tự mình biết rõ việc đang qua, việc vừa qua, dần dần đi qua, ngày qua, ngày trước nữa..., như vậy một tháng, từ năm nay lùi về hồi còn bé. Như người đi đường, đi đến nơi muốn đến, rồi tư duy nhớ lại những chỗ đã

đi qua. Tập như thế rồi, khéo tu sức định, nhớ lại lúc sinh, lúc còn trong thai, biết chết nơi kia mà sinh vào thai này, biết được một đời, hai đời, ba đời, cho đến trăm đời, ngàn đời, vạn đời, vô lượng ức đời. Dùng trí tức mạng tự biết việc đã qua của mình và người: những việc đã trải qua từ hằng hà sa kiếp thấy đều nhớ biết, dùng tức mạng để giáo hóa chúng sinh, nói như vậy: “Ta ở nơi kia có dòng họ và tên như vậy, sống như vậy, trải qua sự khổ vui và tuổi thọ như vậy.” Cũng nói cái việc mà họ đã trải qua. Hành giả nhờ sức tức mạng nên biết được nhân duyên tội phước đời trước của chúng sinh, nghĩa là nhân duyên của hàng Thanh văn, nhân duyên của Bích-chi-phật, nhân duyên của Phật, tùy theo nhân duyên ấy mà thuyết pháp.

Lại nữa, hành giả nhờ sức của trí tức mạng nên biết mình theo chư Phật trồng căn lành mà không hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng giác, nay sẽ hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng giác. Hành giả cũng biết các pháp quá khứ khi diệt không đi về đâu, biết các pháp vị lai khi sinh không từ đâu đến. Tuy biết đời quá khứ không có khởi đầu, nhưng không sinh kiến chấp không khởi đầu. Tuy thấy chúng sinh đời vị lai diệt vào Niết-bàn nhưng cũng không sinh biên kiến.

Khi hành giả niệm về tức mạng thì các căn lành tăng trưởng và nhân duyên tội lỗi vô lượng đời đều tiêu hết. Vì sao? Vì biết tất cả các pháp không có tướng mới và cũ. Được trí tuệ như vậy rồi, quán tất cả pháp hữu vi và sự khổ vui đã trải qua trong sinh tử như thấy việc trong mộng. Vì thế nên ở trong sinh tử tâm không nhầm chán mà sinh tâm thương xót tất cả chúng sinh, biết tất cả các pháp đều là tướng tạo tác, nghĩ như vậy: “Như ta đã qua lại trong sinh tử ngàn vạn ức vô lượng kiếp đều là hư vọng chẳng thật. Tất cả chúng sinh qua lại sinh tử cũng đều như vậy. Nếu không có bốn đại, bốn ấm thì đó là thật. Bốn đại, bốn ấm rốt cuộc cũng không sinh.”

Lại nữa, hành giả dùng trí tức mạng nhớ đã từng làm Chuyển luân thánh vương, cái vui đã hưởng thọ đã bị vô thường tiêu diệt, cái vui của Thích Đề-hoàn Nhân cũng bị vô thường tiêu diệt. Có các cõi nước thanh tịnh, đẹp đẽ và có chư Phật, Bồ-tát sắc tướng tuyệt đẹp chuyển theo bánh xe pháp, thấy đều vô thường, hướng gì việc khác. Nghĩ như vậy rồi, tâm nhầm chán, xa lìa. Hành giả nương trí tức mạng nhập vào vô thường, không; quán tất cả các pháp đều rỗng không, vô thường mà chúng sinh điên đảo nên tham đắm. Vì chúng sinh ấy mà sinh lòng thương xót. Hành tâm Bi này, dần dần được thành tựu Đại Bi. Sau khi được Đại Bi thì được mười phương chư Phật nhớ nghĩ và các Bồ-tát khen ngợi công đức ấy. Đó gọi là Thần thông tức mạng.

Hành giả nào muốn cầu Thiên nhãn thì trước giữ tướng ánh sáng, đó là ánh sáng của đèn, lửa, hạt châu, mặt trời, mặt trăng, sao đêm... Giữ tướng ánh sáng này rồi, ban ngày thì nhắm mắt lại, đêm thì không, chỉ đặt niệm trên tướng ánh sáng như mắt đã thấy, thường tu tập niệm ánh sáng, buộc tâm tại ánh sáng, không nhớ nghĩ gì khác; nếu nó chạy đi thì thu nhiếp về, tâm trụ một chỗ. Khi ấy, bốn đại sở tạo sắc giới là sắc thanh tịnh, ở trong mắt này thì mắt này gọi là Thiên. Vì bốn Đại thiên tạo ra nên gọi là Thiên nhãn. Mắt thanh tịnh của các Hiền thánh cũng gọi là Thiên nhãn. Hành giả đã được Thiên nhãn này thì các núi như Tu-di, Thiết vi,... cây lớn và các cõi nước đều không làm ngăn ngại. Dùng mắt không chướng ngại có thể thấy mười phương vô lượng, vô số chư Phật và nước đẹp đẽ.

Bấy giờ, hành giả có thể biết tất cả Phật là một Đức Phật. Lại thấy một Đức Phật là tất cả Phật. Vì pháp tánh không hoại vậy. Như thấy tướng Phật, tự thấy tướng thân cũng như vậy, vì tướng của tự thân tịnh nên tướng tất cả pháp cũng lại như vậy. Như

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

thấy Phật thanh tịnh thì đệ tử cũng vậy, không có hai tướng và chúng sinh trong cõi nước nơi mười phương như: địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, trời, người, trừ chúng sinh cõi Vô sắc, sống chết, đẹp xấu đều thấy hết. Biết tất cả nhân duyên và quả báo của chúng sinh trong sáu đường ở mười phương. Chúng sinh ấy nhờ nhân duyên nghiệp lành nên được sinh trong trời người. Chúng sinh đây vì nghiệp ác nên sinh trong ba đường ác.

Hành giả ở trong Thiên nhân này được sức trí tuệ nên tuy thấy chúng sinh mà không sinh tưởng về chúng sinh. Tất cả pháp không có tướng chúng sinh. Tuy thấy nghiệp và quả báo liền nhau nhưng cũng nhập vào tất cả pháp, không nghiệp, không quả báo. Tuy Thiên nhân thấy tất cả sắc nhưng vì dùng sức trí tuệ nên không giữ tướng sắc, sắc này thấy đều không.

Lại nữa, hoặc ngăn ngại, hoặc không ngăn ngại, xa, gần, trên, dưới, thấy đều thấy hết. Hành giả thấy được thân hình đẹp đẽ, tinh tế, thanh tịnh của chư Thiên ở Sắc giới mà họ không thấy, thậm chí đại thiên cũng không thấy vị ấy. Như vậy là tất cả nghĩa của thần thông, như đã nói rộng trong nghĩa thần thông của Đại thừa.

